TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2019/DS-PT
Ngày: 04-9-2019
V/v tranh chấp "Chia thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Lê Thị Thắm-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Chia thừa kế theo pháp luật".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 258/2019/QĐPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1/ Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1950.

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm: 1965. (Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2014)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư: **Lê Hoàng A1**-Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Bị đơn*:

1/ Ông **Nguyễn Ngọc M,** sinh năm: 1968.

2/ Chị **Nguyễn Thị Hồng M1**, sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, chị M1: Ông **Nguyễn Văn C2**, sinh năm: 1965. (Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2018) (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn luật sư: **Nguyễn Văn T1**- Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Cụ **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1924.

2/ Bà **Võ Thị L**, sinh năm: 1966.

3/ Chị **Nguyễn Thị Thúy T2**, sinh năm: 1989

Cùng địa chỉ: Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của cụ S, bà L, chị T2: Ông **Nguyễn Văn C2,** sinh năm: 1965. (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2018 và 07/01/2019) (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Cụ **Trần Thị N**, sinh năm: 1949. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1955. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Ông **Nguyễn Văn N1**, sinh năm: 1962 (Chết ngày 13/02/2013).

Địa chỉ: Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

**** Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn N1:***

+ Anh **Nguyễn Thanh N2**, sinh năm: 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh **Nguyễn Thanh Đ1**, sinh năm: 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Cụ **Nguyễn Văn T3**, sinh năm: 1948 (Chết ngày 05/10/2011).

**** Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T3:***

+ Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm: 1970. (vắng mặt)

+ Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm: 1976. (vắng mặt)

+ Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm: 1973. (vắng mặt)

+ Ông **Nguyễn Văn H4**, sinh năm: 1970. (vắng mặt)

+ Anh **Nguyễn Văn H5**, sinh năm: 1982. (vắng mặt)

+ Cụ **Trần Thị N**, sinh năm: 1949. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Bà **Nguyễn Thị G1**, sinh năm: 1952 (Chết ngày 06/10/2012).

Địa chỉ: Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

**** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị G1:***

Bà **Mai Thị Ngọc T4**, sinh năm: 1974. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Anh **Nguyễn Khắc T5**, sinh năm: 1975. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Bà **Nguyễn Thị C3**, sinh năm: 1953. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Ông **Nguyễn Đức H6**, sinh năm: 1961. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T6, xã L1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần P Việt Nam – Chi nhánh M2 - Phòng giao dịch huyện C1.

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, ấp A2, xã A3, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hoàng T6** - Chức vụ: Giám đốc C1. (xin vắng mặt)

- Ngân hàng Thương mại cổ phần C4 Việt Nam - Chi nhánh T7 Tiền Giang.

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, khu phố 01, phường N3, thị xã L2, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Phạm Thanh H7**. (Văn bản ủy quyền ngày 03/9/2019) (có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Cha bà tên Nguyễn Văn S, sinh năm: 1924, mẹ là Võ Thị S1, sinh năm: 1925 (Chết ngày 20/6/1992). Cha, mẹ bà có 06 người con, gồm:

1. Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1948 (Chết ngày 05/10/2011). Ông T3 có 04 người con, gồm: Nguyễn Văn H4; Nguyễn Thị H3; Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn H5.

2. Nguyễn Thị Đ;

3. Nguyễn Văn D;

4. Nguyễn Văn N1 (Chết ngày 13/02/2013). Ông N1 có 02 người con, gồm: Nguyễn Thanh Đ1 và Nguyễn Thanh N2.

5. Nguyễn Thị C;

6. Nguyễn Ngọc M (Bị đơn).

Lúc sinh thời cha mẹ bà có tạo lập được 07 thửa đất: Thửa số 42, diện tích 385m^2; Thửa số 46, diện tích 3.325m^2; Thửa số 50, diện tích 433m^2; Thửa số 51, diện tích 1.479m^2; Thửa số 429, diện tích 273m^2; Thửa số 428, diện tích 3.052m^2 và thửa số 50 diện tích 323m^2 tại ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha bà đứng tên.

Ngày 20/6/1992, mẹ bà chết không để lại di chúc. Sau khi mẹ bà chết thì 07 thửa đất nói trên do ông Nguyễn Ngọc M quản lý, sử dụng không có phân chia thừa kế và tài sản chung cho bất kỳ ai. Sau đó, ông M tự ý lập thủ tục chuyển quyền sang tên 07 thửa đất nói trên cho ông M đứng tên không thông qua sự đồng ý của các anh em bà. Sau đó, ông M có chuyển quyền sang tên 03 thửa đất số 429, thửa số 428 và thửa đất số 50 cho con gái là Nguyễn Thị Hồng M1 đứng

tên. Các anh chị em của bà thỏa thuận với ông M để chia tài sản chung của mẹ bà chết theo pháp luật đối với 07 thửa đất trên nhưng phía ông M không đồng ý.

Nay bà Đ, bà C yêu cầu Tòa án xác định 04 thửa đất: Thửa số 42, diện tích 385m^2; Thửa số 46, diện tích 3.325m^2; Thửa số 50, diện tích 433m^2; Thửa số 51, diện tích 1.479m^2 tại Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang có ½ tài sản của cụ Võ Thị S1 là mẹ bà Đ, bà C chết để lại không có di chúc; Yêu cầu Ông Nguyễn Ngọc M và Chị Nguyễn Thị Hồng M1 phải chia thừa kế ½ của 04 thửa đất trên ra làm 07 kỷ phần theo quy định của pháp luật. Bà Đ, bà C xin mỗi người nhận 01 kỷ phần bằng quyền sử dụng đất. Bà Đ, bà C yêu cầu được chia chung phần đất chiều ngang 5,5m, chiều dài hết đất ở thửa đất số 48. Nếu thiếu kỷ phần được chia, phần còn lại yêu cầu chia giá trị thành tiền. Nếu dư kỷ phần được chia thì hai bà sẽ hoàn trả lại giá trị thành tiền.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc M, chị Nguyễn Thị Hồng M1 cùng người đại diện theo ủy quyền là Ông Nguyễn Văn C2 trình bày:

Ông M và chị M1 không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn vì khi chia đất cho ông M đứng tên các thửa số 42, diện tích 385m^2; thửa số 46, diện tích 3.325m^2; Thửa số 50, diện tích 323m^2; Thửa số 51, diện tích 1.307m^2 thì cha mẹ ông M đã phân chia đất và giá trị tương đương cho các con sử dụng và ông M sử dụng đất ổn định cho đến nay (Trong đó bà C được chia số tiền 15.000.000 đồng, bà Đ được chia 30.000.000 đồng). Năm 1998, ông M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu (Cha của ông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần nào) nên đây không phải là di sản thừa kế của bà S1 chết để lại. Quá trình canh tác, ông M cũng có chuyển nhượng, tặng cho và mua thêm quyền sử dụng đất và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều lần nhưng cũng không ai có khiếu nại gì do đó ông M, chị M1 không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:

Nguồn gốc đất là của cha mẹ ông. Khoảng năm 1975 thì cha mẹ ông chia cho 03 người con trai gồm: Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn N1, mỗi người được 2,5 công đất. Phần còn lại của cha mẹ ông 06 công đất do cha ông là cụ Nguyễn Văn S đứng chủ quyền. Đến khi mẹ ông chết thì còn lại phải chia cho hai người con gái nữa và cha ông cũng hứa chia cho hai người con gái. Đến năm 1999 thì ông M tự ý sang tên không thông qua anh chị em, rồi tự ý bán hai thửa đất và sang tên đất cho con gái là Nguyễn Thị Hồng M1 đứng tên. Ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết để ông M và chị M1 phải chia tài sản của mẹ ông để lại cho bà Đ, bà C và ông không yêu cầu chia di sản này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3, ông Nguyễn Văn H5, ông Nguyễn Văn H4 và ông Nguyễn Thanh H2 cùng trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn S và bà Võ Thị S1. Trước đây, ông S, bà S1 có hứa chia đất cho bà Đ và bà C nhưng chưa chia. Ngoài ra, những người này không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo Tờ tự khai không đề ngày tháng năm bà Võ Thị L trình bày:

Bà là vợ của Ông Nguyễn Ngọc M. Hiện đang canh tác chung thửa đất số 427 do ông M đứng tên. Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà Đ, bà C.

Theo bản tự khai đề ngày 15/4/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Trần Thị N trình bày:

Vào năm 2013, bà có bán cho ông M phần đất diện tích 168m^2 tại thửa số 469, tại Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang, có lập hợp đồng tại Văn phòng công chứng M3 và đã sang tên cho ông M xong.

Theo Bản tự khai đề ngày 31/12/2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C3 trình bày:

Vào năm 2017, bà có nhận chuyển nhượng 470m^2 đất của hộ ông M với giá là 300.000.000 đồng. Hiện bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay đối với việc bà Đ, bà C khởi kiện ông M thì bà không có ý kiến gì.

Theo Bản tự khai đề ngày 31/12/2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc T5 trình bày:

Vào năm 2009, ông có nhận chuyển nhượng 900m^2 đất của hộ ông M với giá là 300.000.000 đồng. Hiện ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay đối với việc bà Đ, bà C khởi kiện ông M thì bà không có ý kiến gì.

Theo Bản tự khai ngày 15/4/2015, bà Mai Thị Ngọc T4 trình bày:

Mẹ của bà là bà Nguyễn Thị G1 có mua của ông M khoảng 360m^2 đất, giá chuyển nhượng là bao nhiêu thì bà không nhớ rõ. Hiện nay phần đất này do bà đứng tên quyền sử dụng đất.

Theo Bản tự khai đề ngày 23/11/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H6 trình bày:

Ông có thuê của Chị Nguyễn Thị Hồng M1 01 căn nhà chiều ngang 4,5m, chiều dài khoảng 14m nằm trong thửa đất số 50, diện tích 323m^2. Hai bên có lập giấy tay. Thời hạn thuê thỏa thuận khi nào chị M1 cần lấy lại thì cho hay trước 01 tháng, giá thuê là 1.300.000 đồng/tháng. Nay các bên tranh chấp như trên thì ông không có ý kiến gì.

Theo bản tự khai đề ngày 30/11/2015, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Thanh N2 và ông Nguyễn Thanh Đ1 trình bày:

Ông nội của các anh là Nguyễn Văn S, bà nội là Võ Thị S2. Ông, bà nội của các anh có 06 người con như lời bà Nguyễn Thị C khai là đúng.

Lúc sinh thời ông, bà nội của các anh có tạo lập được 07 thửa đất diện tích 16.000m^2 do ông S đứng tên, đều tại ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang. Khi bà nội còn sống, ông bà nội của các anh có chia đất cho 04 người con. Riêng cô C và cô Đ không nhận đất nên cô Đ được chia 30.000.000 đồng, cô C được chia 15.000.000 đồng. Nay các anh không có ý kiến gì khác.

Theo bản tự khai đề ngày 28/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cụ Nguyễn Văn S, bà Võ Thị L trình bày:

Năm 1998, ông M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu (Bản thân cụ S chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần nào) nên đây không phải là di sản thừa kế của bà S1 chết để lại. Quá trình canh tác, ông M cũng có chuyển nhượng, tặng cho và mua thêm quyền sử dụng đất và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhiều lần, canh tác và sử dụng đất ổn định nhưng cũng không ai có khiếu nại gì do đó cụ S và bà L không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- đại diện ngân hàng Thương mại cổ phần P Việt Nam – Chi nhánh M2 - Phòng giao dịch huyện C1- ông Nguyễn Hoàng T6 trình bày:

Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng số H.M.0033.14 ngày 07/02/2014 với Ông Nguyễn Ngọc M và bà Võ Thị L. Khi vay, ông M, bà L có thế chấp tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại thửa số 487, diện tích 3.220m^2, tại Ấp A, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang do ông M đứng tên quyền sử dụng đất. Tài sản đã được đăng ký thế chấp đúng qui định. Phía ngân hàng chỉ giải chấp tài sản trên khi ông M, bà L thanh toán hết nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- đại diện ngân hàng Thương mại cổ phần C4 Việt Nam- Chi nhánh T7 Tiền Giang trình bày:

Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng số 25/2018-HĐCVHM/NHCT762-CONG TY TNHH H8 ngày 29/01/2018 với Công ty trách nhiệm hữu hạn H8, vốn vay là 15.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi vay, bên vay có thế chấp tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại thửa số 311, diện tích 273m^2 và thửa số 323, diện tích 3.021,5m^2, tại Ấp A2, xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang do ông M đứng tên quyền sử dụng đất. Tài sản đã được đăng ký thế chấp đúng qui định. Nay phía ngân hàng không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu phía ông M phải thực hiện nghĩa vụ phân chia tài sản liên quan đến các tài sản đảm bảo thì bên vay phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện huyện C1, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào các Điều 649 và Điều 650 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 170 và Điều 203 của Luật Đất đai; Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

***Xử*:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16/5/2019, bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu và đề nghị: bốn thửa đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất có nguồn gốc là của cụ S và cụ S1, cụ S đứng tên tại sổ mục kê 299. Việc ông M quản lý sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo ông M là do được cụ S cho, nhưng ông M không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện là được cụ S cho, ông M đứng tên là do ông M tự ý kê khai đứng tên mà không có ý kiến của những đồng thừa kế của cụ S1. Thửa đất số 48 do ông M đứng tên quyền sử dụng đất, sau đó sang tên cho chị M1 và hiện nay là do bà L đứng tên việc sang tên là có mục đích. Ông D và các con của ông T3, ông N1 trình bày bà Đ và bà C chưa được cụ S và cụ S1 cho đất, theo Pháp lệnh thừa kế có quy định tài sản của người chết để lại là tư liệu sản xuất, tư liệu sản xuất là đất, Luật đất đai năm 1993 có quy định về thừa kế quyền sử dụng đất và thời hiệu thừa kế di sản của cụ S1 còn vì chưa hết hạn ba mươi năm. Ông S trình bày ông cho đất cho ông M nhưng không có giấy tờ, nếu cụ S cho thì ông chỉ định đoạt được ½ tài sản, còn lại ½ là di sản của cụ S1. Án lệ số 26 có tình tiết tương tự đề nghị áp dụng. Về tố tụng: cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ cấp giấy phần đất ông M bán cho bà G1 và chưa đo đạc định giá phần đất bán cho bà G1. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ S1 chết để lại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu và đề nghị: các thửa đất hiện đang tranh chấp ông M hiện chỉ còn đứng tên tại thửa số 48, các thửa 42, 46, 51 ông M đã chuyển nhượng, việc ông M chuyển nhượng các thửa đất trên là hoàn toàn hợp pháp, ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định pháp luật là cấp lần đầu. Khi ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ S còn sống và cụ S cũng xác định đã chia đất, tiền cho các con được xác định tại biên bản hòa giải xã H, ông D cũng xác định cha mẹ đã chia đất cho các con và ông quản lý sử dụng đăng ký kê khai và được cấp giấy. Ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai có ý kiến khiếu nại hay tranh chấp gì. Nguồn gốc đất là của cụ S1 và cụ S, nhưng cụ S và cụ S1 chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, năm 1992 cụ S1 chết không phải là di sản của cụ S1 để lại. Cụ S1 chết năm 1992 áp dụng Luật

đất đai năm 1987 không có quy định về thừa kế quyền sử dụng đất. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: - Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

- Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự Nguyễn Văn H1 cấp sơ thẩm không có công khai chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm làm rõ không có đương sự Nguyễn Văn H1 và cũng không làm thay đổi nội dung vụ án.

- Nội dung tại văn bản 264/CV-VPĐK ngày 09/6/2015 ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thông qua hội đồng xét duyệt, khi ông M được cấp giấy chuyển nhượng, tặng cho và người nhận chuyển nhượng được đứng tên nhưng không ai khiếu nại, tranh chấp gì. Ông D thừa nhận ông S chia đất cho các con là ông D, ông N1, ông T3 cũng đều không có giấy tờ gì, những người được cho đứng tên kê khai và được cấp giấy, phù hợp với trường hợp của ông M được cho đất và cấp giấy. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị N, anh Nguyễn Thanh N2, Nguyễn Thanh Đ1, Nguyễn Văn H2. Nguyễn Thị H3, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn H5, Mai Thị Ngọc T4, Nguyễn Khắc T5, Nguyễn Thị C3, Nguyễn Đức H6, Ngân hàng Thương mại cổ phần P Việt Nam vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng tiến hành xét xử những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị C với bị đơn Ông Nguyễn Ngọc M là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Các nguyên đơn kiện tranh chấp chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, nên xác định đây là tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật được quy định tại Điều 649 của Bộ luật Dân sự.

Về áp dụng pháp luật: bà S1 chết năm 1992 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, án sơ thẩm áp dụng Luật đất đai năm 1987 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Về tư cách đương sự tại phiên tòa phúc thẩm làm rõ không có đương sự Nguyễn Văn H1, tuy nhiên việc án sơ thẩm xác định Nguyễn Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không làm thay đổi nội dung vụ án, do đó cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Đơn kháng cáo của bà M, bà C đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.1] Về nội dung kháng cáo: của bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Xét nguồn gốc phần đất đang tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998 ở các thửa số 42 diện tích 385m^2, thửa số 46 diện tích 3.325m^2, thửa số 50 diện tích 433m^2, thửa số 51 diện tích 1.479m^2 là của cụ S và cụ S1.

Khi cụ S1 chết, thời điểm này cụ S, cụ S1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà chỉ do cụ S đứng tên trên sổ bộ địa chính. Do vậy, về mặt pháp luật chưa có căn cứ xác định đây là di sản của cụ S1 chết để lại.

Năm 1998, ông M ra kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Công văn số 264/CV-VPĐK ngày 09/6/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C1 xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M là cấp lần đầu, đúng quy định pháp luật và từ thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M đến nay cụ S vẫn còn sống và thống nhất với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông M đã chuyển nhượng cho nhiều người, nhưng các nguyên đơn cũng không phản đối hoặc khiếu nại gì. Hơn nữa, vào năm 2009, các nguyên đơn tranh chấp yêu cầu ông M cho tiền và tại Biên bản hòa giải do Ủy ban nhân dân xã H lập ngày 15/9/2009 có mặt cụ S tham dự, theo lời khai của cụ S tại biên bản hòa giải này, cụ S cũng xác định đã cho ông M các phần đất trên từ lúc cụ S1 còn sống. Lời khai này của cụ S cũng phù hợp với lời khai của ông M và ông D. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D khai lúc cụ S1 còn sống, cụ S và cụ S1 đã chia đất cho các người con trai, ông D được chia 2.500m^2. Thời điểm này cụ S, cụ S1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cho đất, khi có chủ trương của Nhà nước ông mới ra kê khai đăng ký. Đến khoảng năm 1992, ông mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ S cho đất các con không có giấy tờ, những người con của cụ S sử dụng, đăng ký và được cấp giấy trường hợp của ông M giống như của ông D. Như vậy, các phần đất tranh chấp này không phải là di sản của cụ S1. Do vậy, xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Đ, bà C là không có căn cứ, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Đ, bà C là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Bà Đ và bà C kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ và bà C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

[4.2] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi và lợi ích của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4.3] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi và lợi ích của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định như đã nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: do không chấp yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 649 và Điều 650 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai; Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Xử: Không chấp yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Đ mỗi người chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ, bà C mỗi người đã nộp là 2.896.875 đồng theo các biên lai thu số 0026693 và 0026694 cùng ngày 16/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đ, bà C mỗi người số tiền là 2.696.875 đồng.

- Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Chuộng đã nộp là 300.00 đồng theo biên lai thu số 10264 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp là 300.00 đồng theo biên lai thu số

10265 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C1;
- CC THADS huyện C1;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);

Lưu hồ sơ, án văn.

Lâm Ngọc Tuyền